

Hơn cả âm vị: Hệ thống âm vị có nguy cơ

Shelley L. Velleman
APSSLH December 2023

Khoa Khoa học giao tiếp
và Rối loạn giao tiếp



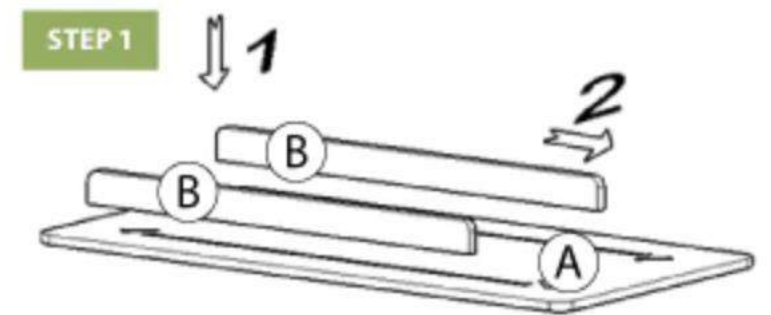
The University of Vermont

Nội dung

- Quan điểm chính: khi đánh giá hoặc điều trị sự phát triển lời nói và rối loạn lời nói, cần xem xét toàn bộ hệ thống: tất cả các thành tố và sự tương tác giữa các thành tố trong hệ thống âm vị
- Áp dụng cho sự phát triển lời nói bình thường
- Áp dụng cho Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em
- Kết luận

Khoa học tốt dựa trên nhận thức về:

- Những thành tố mà bạn đang nghiên cứu – bản chất, loại, kích thước, mức độ
- Những thành tố này kết hợp/tương tác với nhau như thế nào để tạo nên hệ thống hoạt động
- Bản chất của hệ thống đích, đặc biệt là những đặc điểm khó khăn
- Hệ thống thay đổi như thế nào qua thời gian
- Điều gì có thể sai lệch và tại sao



Xem xét các kiểu mẫu:

- Hành vi của nhiều thành tố khác nhau
- Sự tương tác giữa các thành tố với các loại giống/khác nhau, với nhiều mức độ khác nhau
- Sự thay đổi qua thời gian
- Tính chức năng/rối loạn chức năng của những kiểu mẫu

NHƯNG việc tìm ra một kiểu mẫu là vô ích nếu chúng ta không hiểu tại sao kiểu mẫu đó xuất hiện



Những thành tố của hệ thống âm vị

- Những cử chỉ vận động **cấu âm**, kết hợp với kiểm soát tạo âm, tạo ra những đơn vị cơ bản của lời nói
 - Âm tiết
 - Phân đoạn

Chú ý: Tôi xem xét lời nói vận động được bao gồm trong “hệ thống âm vị”.
- Sự kết hợp phân đoạn và âm tiết đa dạng – **phonotactics (kết hợp âm)** – giúp mở rộng tiềm năng giao tiếp
- Sự biến đổi tạo âm – **ngữ điệu** – bên cạnh sự biến đổi cấu âm, giúp mở rộng tiềm năng giao tiếp hơn nữa
- Cần xem xét tất cả thành tố và sự kết hợp và tương tác giữa chúng khi đánh giá hoặc điều trị sự phát triển lời nói và các rối loạn âm lời nói

Để biết thêm thông tin về sự khác biệt giữa ngôn ngữ với ngữ âm (phân đoạn), kết hợp âm (phonotactics), và ngữ điệu, xem Bảng 1 trong tài liệu phát tay.

Velleman APSSLH 2023

Table 1: Examples and Explanations of Segmental, Prosodic, and Phonotactic Factors Impacting CAS Diagnosis

	Factor	Example	Examples of languages that have feature	Languages that don't have feature	Comments
S e g m e n t a l	Duration contrasts (geminate consonants and/or vowels)	Italian ¹ : [fato]: fate [fat:o]: fact	Arabic, Berber, Danish, Estonian, Finnish, Hindi, Hungarian, Italian, Japanese, Kannada, Punjabi, Polish, Turkish	Other languages	Geminate sounds last 2-3 times longer than non-geminate sounds.
	Nasal contrasts	French: [bo]: 'beau' (handsome) [bō]: 'bon' (good)	French, North American native (Indian) languages, equatorial South America and Africa ²	English; most Indo-European languages	Allophonic nasal coarticulation occurs in most languages but can't if nasality is phonemic.
	Voicing contrasts (stops, fricatives, affricates)	English: [p ^h eɪs]: pace [beɪz]: bays	English; majority of languages	Cantonese, Algonquian languages (northeastern US) ³	
P r	Word stress (marked by length, loudness and/or pitch; all 3 in	English: 'monkey gi'raffe	Variable (lexical stress): English, German, Spanish, Russian, Italian	Cantonese, Mandarin, Japanese	Like people with languages with no stress, those with fixed stress in their native language may have trouble

Những khó khăn trong các ngôn ngữ khác nhau

- Tiếng Anh: Sự đa dạng về hình thái âm tiết lên tới 4 phụ âm trong một cụm phụ âm (VD. "strengths") NHƯNG những từ ngắn
- Tiếng Hawaii: không có phụ âm cuối, không có cụm phụ âm, chỉ có 13 âm vị NHƯNG những từ dài (e.g., cá "humuhumunukunukuapua'a")



- Tiếng Anh: nhấn từ vựng không dự đoán được (e.g., "indeFAtigable") NHƯNG không có thanh điệu
- Tiếng Việt: không có nhấn từ vựng NHƯNG có 6 thanh điệu (kèm 2 allophones) (McLeod et al., 2023)

Ý nghĩa cho việc đánh giá/nghiên cứu sự phát triển và rối loạn âm lời nói

- Cần xem xét tất cả khía cạnh của hệ thống âm vị, từ kiểm soát vận động đến chủ ý & ý nghĩa, không chỉ là các phân đoạn
- Xem xét khía cạnh nào là khó khăn nhất trong ngôn ngữ đó
- Chú ý đến cách những đặc điểm khác nhau tương tác với nhau như thế nào
- Theo dõi sự thay đổi qua thời gian, bao gồm cả cách mà hệ thống phát triển từ nền tảng
- Không chỉ xác định các kiểu mẫu; mà còn hiểu chúng và hiểu ý nghĩa của chúng đối với sự thực hiện chức năng của hệ thống
- Hiểu sâu hơn về điều gì sai lệch và tại sao

Các kết quả chính

- Bật bẹ = nền tảng của lời nói
- Cần xem xét tất cả thành tố của hệ thống âm vị
- Hệ thống ngôn ngữ được trải nghiệm có ảnh hưởng từ lúc bắt đầu
- Các loại rối loạn âm lời nói không loại trừ nhau: có sự chồng chéo; có thể có hơn một loại
- Kiểu mẫu không phải luôn luôn là “quy trình âm vị”; có thể do sinh lý hoặc những tình trạng khác
- CAS – Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em: rối loạn **cảm giác**-vận động ảnh hưởng đến nhiều thành tố
- Những khác biệt ngôn ngữ ảnh hưởng đến những triệu chứng rối loạn
- Cần nhiều nghiên cứu hơn về ngôn ngữ của bạn!

Bập bẹ = Nền tảng

- Sự tạo âm tiền ngôn ngữ là thành tố quan trọng cho sự tương tác giao tiếp sớm
 - bao gồm sự bắt chước tạo âm
- Sự khám phá dần bộ máy phát âm tạo nền tảng cho giao tiếp bằng lời nói
 - tạo âm
 - sự biến đổi ngữ điệu: cao độ, độ to, độ dài
 - sự biến đổi cấu âm: phụ âm vs. nguyên âm; vị trí, phương thức, độ rung dây thanh
- Bản chất của sự tạo âm ở trẻ em ảnh hưởng đến sự tạo âm ở người lớn với trẻ và ngược lại (Velleman et al., 1989; Landry et al., 1998; Dunst et al., 2010; Lewis et al., 2022)

Bập bẹ = Nền tảng

- Quan điểm cũ: bập bẹ không liên quan đến lời nói ý nghĩa (Jakobson, 1968)
- Không đúng; chất lượng bập bẹ liên quan đến sự phát triển ngôn ngữ về sau (e.g., Stoel-Gammon, 1992; Highman et al., 2013)
- Các đặc điểm của bập bẹ có thể là chỉ điểm sớm của những khó khăn về phát triển (Öller et al., 1999; Highman et al., 2023); nhiều hơn về sau
- Đo lường được nghiên cứu/hữu ích nhất liên quan đến sự sử dụng “phụ âm đúng” – “true consonants” (Vihman et al., 1986; Stoel-Gammon, 1992): Những phụ âm với thời gian và sự chuyển tiếp tới nguyên âm giống với người lớn

Sự phát triển bập bẹ

- Sự phát triển nhảy vọt là kết hợp âm (phonotactic), ngữ điệu, và ngữ nghĩa:
 - kết cấu & nội dung:
 - vận động hàm (mở-đóng) + tư thế cấu âm → âm tiết giống với Phụ âm-Nguyên âm! (Davis & MacNeilage, 2000)
 - thời gian trong sự kết hợp Phụ âm-Nguyên âm giống với người lớn → âm tiết đúng; bập bẹ có quy tắc (Oller et al., 1999)
 - phân chia thành:
 - từ sao chép ([baba]) đến phụ âm và nguyên âm đa dạng ([dibo])
 - từ ngữ điệu không phải lời nói đến kiểu mẫu cao độ và ngữ điệu giống như lời nói
 - kiểm soát có chủ ý – từ!

Bập bẹ = Nền tảng

- Trẻ sử dụng các kiểu mẫu bập bẹ như là nền tảng cho các từ sớm
Ex: Laurent (French)
- bập bẹ [l] VD, [lolo] – vì tên?
- tạo những từ sớm với [l], đặc biệt ở vị trí giữa từ, với việc không tuân theo mục tiêu người lớn (Vihman & Velleman, 2000)

Chapeau	'hat'	[bobo, bolo]
La brosse	'the brush'	[pəla]

Việc sử dụng các kiểu mẫu vận động mà trẻ đã biết là phù hợp.

Ảnh hưởng của ngôn ngữ chính

Ngôn ngữ mà trẻ trải nghiệm có ảnh hưởng trong suốt thời kỳ bập bẹ và nói các từ sớm. Những ảnh hưởng lên các ngôn ngữ khác nhau bao gồm ngữ điệu, kết hợp âm, cũng như phân đoạn:

- Đường cong cao độ lên vs. xuống (Whalen et al., 1991)
- Số lượng âm tiết/từ (Stoel-Gammon, 1987; Rupela & Manjula, 2006)
- Loại nguyên âm/formant của nguyên âm (Boysson-Bardies et al., 1989; Lee et al., 2010)
- Loại phụ âm (Boysson-Bardies & Vihman, 1991)
- Lỗi kết hợp âm VD, lược bỏ các phụ âm đầu trong các từ với sự ghép đôi (gemminates) (Vihman & Velleman, 2000; Vihman et al., 2006)

Tương tác giữa các ngôn ngữ & các chiến lược ở trẻ

- Học tích cực, **không chỉ bắt chước!**
- Giải pháp cá nhân để thực hiện các nhu cầu ngôn ngữ mà hệ thống vận động của trẻ cho phép

Ex: Atte, học tiếng Phần Lan – cho phép các từ bắt đầu bằng nguyên âm và có các sự ghép đôi ở giữa từ – tập trung vào phụ âm giữa và lược bỏ phụ âm đầu

<u>Target</u>	<u>Gloss</u>	<u>Actual</u>	Vihman & Velleman, 2000
kala	'fish'	ala	
pallo	'ball'	allo	
sammui	'extinguished'	ammu	
loppu	'all done'	oppu	
heppa	'horse'	eppa	
kello	'clock'	ello	
nalle	'teddybear'	alle	

Tương tác giữa các ngôn ngữ & các chiến lược ở trẻ

Thường lý giải cho những kiểu mẫu không mong đợi e.g., sự dịch chuyển âm (metathesis)

Ex: W chỉ có thể tạo ra âm xát ở vị trí cuối âm tiết. Dịch chuyển âm tới đó, ngay cả khi kết quả là "khó", ngay cả những cụm phụ âm không phải tiếng Anh:

[uz]	zoo	Leonard &
[nupis]	Snoopy	McGregor (1991)
[ops]	soap	
[taps]	stop	
[aɪnf]	fine	

Phân tích mẫu lỗi liên quan tới phân đoạn thường dẫn đến các kết quả không hữu ích; **cần xem xét sự kết hợp âm (phonotactics) cũng như ngữ âm (phonetics).**

Diễn giải các kiểu mẫu

- Ảnh hưởng của ngôn ngữ là một lý do chính cần được xem xét khi diễn giải các mẫu lỗi

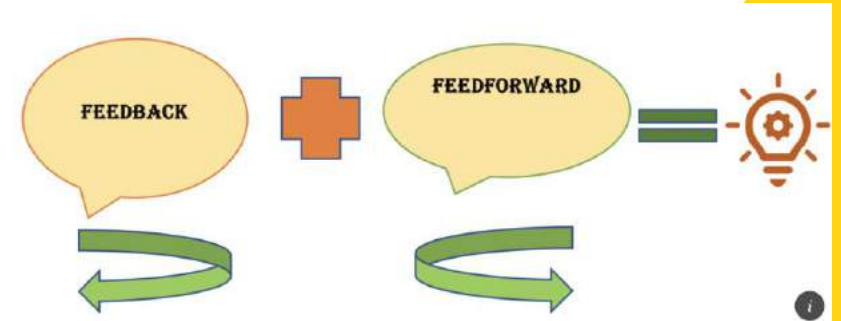
Ex: Lược bỏ phụ âm đầu là:

- “dấu hiệu cờ đỏ” (bất thường, lo lắng) trong tiếng Anh
- bình thường trong các ngôn ngữ khác
 - với sự ghép đôi (Tiếng Phần Lan, Welsh, Tiếng Nhật)
 - với nhấn âm ở vị trí cuối từ (Tiếng Pháp) (Vihman & Velleman, 2000; Velleman & Vihman, 2002)



Làm cách nào để quản lý tất cả điều này? Hệ thống lời nói vận động:

- **Cảm giác**-vận động
- Lời nói chính xác phụ thuộc vào vòng tiến tiếp - phản hồi (feedforward-feedback loop) (e.g., Guenther et al., 2006)
 - Lập kế hoạch/chương trình cho phát ngôn dựa vào:
 - Mục tiêu ngôn ngữ
 - Nhận thức về trạng thái hiện tại của bộ phận cấu âm, thanh quản, phổi (tiến tiếp - **feedforward**)
 - Kiểm tra trong quá trình thông qua:
 - Hệ thống cảm giác bản thể
 - Hệ thống thính giác
 - Điều chỉnh nếu cần thiết (phản hồi - **feedback**)
 - Chia sẻ thông tin trong hệ thống điều khiển tiếp thuận để lập kế hoạch tốt hơn trong tương lai



Điều gì có thể sai lệch?

- Các loại rối loạn âm lời nói khác nhau (SSDs):
 - cấu trúc VD, khe hở vòm miệng
 - thực hiện VD, rối loạn vận ngôn
 - nhận thức/ngôn ngữ VD, khó khăn học hệ thống âm vị:
 - âm vị(phoneme)/âm thanh phân biệt nhau bởi thanh điệu (toneme), những loại tương phản khác
 - quy tắc/kiểu mẫu
 - lập kế hoạch/lập chương trình VD, **rối loạn điều khiển chủ ý lời nói**
- KHÔNG loại trừ nhau
 - có thể có nhiều hơn một loại
 - thường chồng chéo
 - hệ thống âm vị được xây dựng dựa trên nền tảng vận động – tiếp nhận, vì vậy rối loạn lời nói cấu trúc, tiếp nhận, hoặc cảm giác-vận động có thể ảnh hưởng đến sự phát triển nhận thức/ngôn ngữ



Diễn giải kiểu mẫu

- Sự chông chéo giữa các rối loạn và sự xây dựng hệ thống âm vị dựa trên nền tảng sinh lý cũng ảnh hưởng đến các kiểu mẫu

Ex: Trẻ với hội chứng Moebius (bao gồm liệt mặt) không thể đóng môi

→ "quy trình âm vị" "sau hóa":

baseball [geɪsgɔl]

pray [kɹeɪ]

guppie [gʌki]

map [ɱæk]



<https://bmcpediatr.biomedcentral.com/articles/10.1186/s12887-022-03803-3>

Kiểu mẫu không có nghĩa **nguyên nhân** của nó là "âm vị" (VD, nhận thức-ngôn ngữ); có thể là chiến lược nhận thức/ngôn ngữ để giải quyết những vấn đề sinh lý.

Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em - *Childhood Apraxia of Speech (CAS)*

- Rối loạn lập kế hoạch/lập chương trình phát âm
- Có thể kèm hoặc không kèm rối loạn điều khiển chủ ý vận động miệng không lời
- Có thể do hoặc không do hội chứng di truyền đã biết; những bệnh kèm liên quan đến những rối loạn điều khiển chủ ý lời nói nặng hơn (Chenauksy et al., 2023)
- Tăng nguy cơ khiếm khuyết ngôn ngữ và đọc viết (Lewis & Ekelman, 2007)
- Những triệu chứng chính: lời nói rời rạc/không ổn định, những mẫu lỗi không hằng định, tính mũi không hằng định, lỗi nguyên âm, chèn âm schwa, lỗi nhấn âm từ vựng hoặc lỗi thanh điệu, mò mẫm, khó khăn tăng lên với những từ đa âm tiết, sự chuyển tiếp bất thường, lỗi về tính rung dây thanh, độ liên động DDK chậm, lỗi kết âm (Shriberg et al., 2012; Murray et al., 2015; Iuzzini-Seigel et al., 2022; Wong et al., 2023)

Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em - Childhood Apraxia of Speech (CAS)

- Chắc chắn không phải là vấn đề đơn độc về **âm lời nói** (phân đoạn)!
- Danh sách triệu chứng được liệt kê trước đó là do “thiếu tiến triển trong điều trị” – bởi vì chỉ có phụ âm được điều trị
- Trong Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói:
 - Độ chính xác của việc kết hợp âm,
 - Tính phức tạp của việc kết hợp âm, và
 - Tần số của việc kết hợp âm (sự kết hợp xuất hiện trong ngôn ngữ xung quanh thường xuyên như thế nào)
xác định độ chính xác ngữ âm (Jacks, et al., 2006)
- Vấn đề là khả năng lập kế hoạch & lập chương trình cho **toàn bộ từ như là một đơn vị**, hợp nhất tất cả thành tố, bao gồm ngữ điệu

Hiểu những khiếm khuyết trong Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em

- Khiếm khuyết trong cả việc tiếp nhận ở mức độ cao hơn (“nhận thức âm vị”) và sự tiếp nhận ở mức độ thấp hơn (tiếp nhận thư mục về âm thanh và thanh điệu) (Nijland, 2009)
 - có thể phụ thuộc vào những rối loạn ngôn ngữ đồng mắc (Zuk et al., 2018)
- Nhận thức kém về trạng thái hiện tại của hệ thống: phụ thuộc nhiều hơn vào phản hồi (feedback) so với hệ thống tiến tiếp (feedforward) do khiếm khuyết cảm giác bản thể/cảm thụ bản thể (Nijland et al., 2003; Terband et al., 2009)
 - dẫn đến mức độ cao bất thường của lỗi đồng cấu âm, hành vi mò mẫm/tìm kiếm, và méo mó âm lời nói

Khiếm khuyết nền tảng của rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em (tt)

- Suy giảm vận động tinh và cảm giác nói chung (Bradford and Dodd, 1996; Newmeyer et al. (2009), Iuzzini-Seigel, 2019)
- Phụ thuộc nhiều hơn vào phản hồi thính giác hơn là phản hồi cảm giác bản thể (Iuzzini-Seigel et al., 2015), có thể do những khiếm khuyết cảm giác bản thể:
 - phản hồi thính giác không xuất hiện đến 100ms sau khi nói
 - dẫn đến lời nói rời rạc/không ổn định

Chẩn đoán Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em: Khi nào?

- Khó để nói tại sao trẻ không nói cho đến khi trẻ bắt đầu nói
 - Hầu hết triệu chứng chỉ có thể phát hiện được từ việc tạo ra lời nói
- “Quy tắc ngón cái” thường sử dụng: Không chẩn đoán Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em cho đến khi trẻ 3 tuổi
 - thậm chí không vào lúc đó nếu vẫn không nói
- Có thể nghi ngờ các yếu tố nguy cơ dựa trên chẩn đoán di truyền
- **VÀ CÓ THỂ NGHI NGỜ YẾU TỐ NGUY CƠ DỰA TRÊN SỰ TẠO ÂM TIỀN NGÔN NGỮ**
 - Những nghiên cứu dựa vào:
 - Bộ câu hỏi phỏng vấn phụ huynh hồi cứu (Highman et al., 2008)
 - Video ở độ tuổi trẻ nhỏ-tuổi tập đi của những trẻ sau đó được chẩn đoán với rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em (Overby et al., 2020)
 - Nghiên cứu về trẻ tập đi có nguy cơ cao do di truyền (e.g., Duplication 7q11.23; Abbiati et al., 2023)

Chẩn đoán Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em: Những dấu hiệu dự đoán sớm

- Khởi phát muộn bập bẹ có quy tắc (“những âm tiết đúng”: [baba]...)
- Tỷ lệ thấp của bập bẹ có quy tắc khi tạo âm (chỉ số bập bẹ có quy tắc; mức độ bập bẹ trung bình)
- Suy giảm tần số tạo âm
- Thư mục phụ âm suy giảm (tính đa dạng của phụ âm)
- **Cảnh báo! Những triệu chứng này có thể xuất hiện trong những tình trạng khác!** Highman et al. (2023)

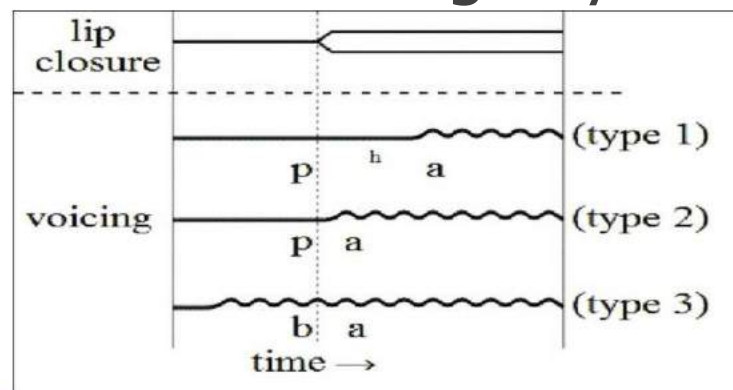
Xem bảng 2 & 3 (from Highman et al., 2023) trong tài liệu phát tay

Triệu chứng thay đổi theo ngôn ngữ!

- Cần xem xét điều gì là khó khăn nhất cho ngôn ngữ của trẻ
- Rất ít nghiên cứu
- Hầu hết các nghiên cứu có độ tin cậy/hiệu lực cao là về tiếng Hà Lan, Pháp, Quảng Đông
- Nhiều nghiên cứu:
 - Không nêu cụ thể các triệu chứng được sử dụng để xác định các cá nhân có rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em
 - Và/hoặc không so sánh các ngôn ngữ của họ với tiếng Anh; chỉ sử dụng các triệu chứng của tiếng Anh
 - Và/hoặc không nói rõ triệu chứng nào họ đã xác định ở những trẻ nói ngôn ngữ đó
- Một số nghiên cứu không có bản đầy đủ bằng tiếng Anh nên tôi không thể tổng hợp được

Các yếu tố ngôn ngữ ảnh hưởng đến triệu chứng của rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em

- Tính mũi (Âm vị nguyên âm mũi vs không mũi VD. Tiếng Pháp): có thể thay đổi sự cảm nhận về 'tính mũi không hằng định'
- Độ dài âm vị (Âm vị nguyên âm dài vs ngắn VD. Tiếng Phần Lan, tiếng Nhật, Welsh) có thể ảnh hưởng sự cảm nhận về 'các âm tiết rời rạc'
- Khác biệt về thời gian khởi phát giọng - Voice Onset Time (VOT) – có thể ảnh hưởng các lỗi về tính rung dây thanh



Gabriel & Thiele
(2017), p. 86.

Các yếu tố ngôn ngữ ảnh hưởng đến triệu chứng của rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em

- Độ dài từ khác nhau (e.g., Tiếng Hawai, tiếng Nhật vs tiếng Anh, tiếng Việt): có thể ảnh hưởng mức độ khó của các từ đa âm tiết
- Nhấn từ vựng: Nếu ngôn ngữ không có nhấn từ vựng, những đặc điểm khó khăn khác của hệ thống sẽ bị ảnh hưởng

Ex: tiếng Quảng Đông không có nhấn từ vựng; trẻ có rối loạn điều khiển chủ ý lời nói sẽ gặp khó khăn về thanh điệu (e.g., Wong et al., 2023)

Xem bảng 4 trong tài liệu phát tay về các ví dụ của ảnh hưởng của triệu chứng trong những ngôn ngữ khác và ảnh hưởng đến những người có rối loạn điều khiển chủ ý lời nói học ngôn ngữ thứ hai.

Triệu chứng thay đổi – Ví dụ tiếng Pháp

Sự khác biệt phân đoạn giữa tiếng Pháp và tiếng Anh:

- Có những âm vị nguyên âm mũi ([bo] 'đẹp trai' vs. [bõ] 'tốt')
 - Trẻ gặp khó khăn trong học kiểm soát tính mũi
- Có nguyên âm tròn môi vs không tròn môi hàng trước (VD, [y] vs. [i])
- Khác biệt về tính rung dây thanh:
 - “Âm hữu thanh” (“voiced”) trong tiếng Pháp = “prevoiced” trong tiếng Anh; bắt đầu rung dây thanh trước khi giải phóng phụ âm
 - Khó để tạo ra hơn so với âm “voiced” tiếng Anh
 - Trẻ bình thường nói tiếng Pháp thành thạo về tính rung dây thanh muộn hơn (MacLeod, 2013)

Triệu chứng thay đổi – Ví dụ tiếng Pháp

Khác biệt ngữ điệu giữa tiếng Pháp vs tiếng Anh:

- Nhấn từ vựng cố định – luôn ở âm tiết cuối cùng
 - Dễ hơn để học; **lỗi nhấn âm thường không phải là triệu chứng hữu ích**
 - Trẻ bình thường có xu hướng lược bỏ phụ âm đầu hoặc âm tiết đầu trong từ đa âm tiết (Velleman & Vihman, 2002) – là dấu hiệu cờ đỏ đối với kỹ thuật viên ngôn ngữ trị liệu người Anh
 - Ở trẻ học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, có thể gặp lỗi nhấn âm
- Thời gian âm tiết – mỗi âm tiết kéo dài trong một thời gian bằng nhau
 - Có thể gặp “nhấn âm bằng nhau quá mức” hoặc tốc độ chậm hoặc sự rời rạc âm tiết
 - Ở trẻ học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, có thể gặp lỗi nhấn âm

Triệu chứng thay đổi – Ví dụ tiếng Pháp

Sự khác biệt kết hợp âm giữa tiếng Pháp và tiếng Anh:

- Cụm phụ âm ít hơn, ít đa dạng hơn – ít rõ ràng hơn:
 - Có thể dẫn đến hiện tượng chèn âm schwa
- Phụ âm cuối ít hơn, ít đa dạng hơn – ít rõ ràng hơn:
 - Có thể dẫn đến hiện tượng chèn âm schwa
- Từ dài hơn
 - Khó khăn với những từ đa âm tiết có thể ít rõ ràng hơn (ngoại trừ những lỗi nhấn âm)

Triệu chứng thay đổi – Ví dụ – kết quả tiếng Pháp

So với trẻ nói tiếng Pháp đơn ngữ với những rối loạn âm lời nói khác, trẻ có rối loạn điều khiển chủ ý lời nói gặp nhiều triệu chứng tương tự với trẻ nói tiếng Anh có rối loạn điều khiển chủ ý lời nói hơn: (MacLeod & Findlay, 2016; Meloni et al., 2020)

- Nhiều lỗi nguyên âm hơn
- Độ liên động chậm hơn
- Nhiều lỗi phụ âm và cụm phụ âm hơn
- Nhiều lỗi chêm phụ âm (chèn âm) hơn
- Sự không hằng định gặp nhiều hơn
- Nhiều lỗi mất âm tiết hơn

Triệu chứng thay đổi – Ví dụ – kết quả tiếng Pháp

Trẻ nói tiếng Pháp đơn ngữ có rối loạn điều khiển chủ ý lời nói khác biệt với trẻ nói tiếng Anh có rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở điểm:

- Không có nhiều lỗi nhấn âm hơn trẻ với các rối loạn âm lời nói khác – nhấn âm không khó trong tiếng Pháp
- Kết quả không hằng định giữa 2 nghiên cứu: khó khan với từ đa âm tiết – từ đa âm tiết phổ biến hơn trong tiếng Pháp
- Nhiều lỗi vô thanh hóa phụ âm đầu hơn – phụ âm đầu hữu thanh khó hơn trong tiếng Pháp
- Lỗi nguyên âm chủ yếu ở nguyên âm mũi và nguyên âm không tròn môi – những đặc điểm khó hơn của nguyên âm trong tiếng Pháp

Do đó, **bản chất của hệ thống ảnh hưởng đến những loại triệu chứng khác nhau!**

Kết luận chính

- Bật bẹ = nền tảng của lời nói
- Cần xem xét tất cả thành tố của hệ thống âm vị
- Hệ thống ngôn ngữ được trải nghiệm có ảnh hưởng từ lúc bắt đầu
- Các loại rối loạn âm lời nói không loại trừ nhau: có sự chồng chéo; có thể có hơn một loại
- Kiểu mẫu không phải luôn luôn là “quy trình âm vị”; có thể do sinh lý hoặc những tình trạng khác
- CAS – Rối loạn điều khiển chủ ý lời nói ở trẻ em: rối loạn **cảm giác-vận động ảnh hưởng đến nhiều thành tố**
- Những khác biệt ngôn ngữ ảnh hưởng đến những triệu chứng rối loạn theo những cách khác nhau

Kết luận chính

Quan trọng nhất:

Đừng cho rằng những kết quả trong tiếng Anh có thể áp dụng được vào rối loạn điều khiển chủ ý lời nói (và các rối loạn âm lời nói khác) trong ngôn ngữ của bạn!

Chúng ta cần nhiều nghiên cứu hơn nữa, đặc biệt về ảnh hưởng của những đặc điểm ngôn ngữ vẫn chưa được nghiên cứu:

- Thanh điệu trong những ngôn ngữ khác (bên cạnh tiếng Quảng Đông)
- Ngữ điệu VD, thời gian, cao độ
- Kết hợp âm: độ dài từ, tính phức tạp âm tiết
- Tương phản âm vị (phonemic contrasts): độ dài, tính mũi
- Vị trí cấu âm và phương thức cấu âm: lưỡi gà, hầu, clicks, ingressives...

*Hãy khám phá!
Thu thập dữ liệu và chia sẻ những gì bạn tìm thấy!*

Questions?

shelley.velleman@med.uvm.edu



The University of Vermont